

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EASÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2025.

“V/v: Tranh chấp hôn nhân

Gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Bành Trọng Bình

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Hồng Hưởng** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án-Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B – sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lý Văn T – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Triệu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B và anh Lý Văn T về chung sống với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/6/2017. Chị B và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Chị B và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B và anh T bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Chị B nhận thấy tình cảm không còn và cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho được ly hôn với anh Lý Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Triệu Thị B và anh Lý Văn T có 02 con chung là các cháu Lý Quốc H – SN 31/10/2018 và Lý Thị Trúc L – SN 06/02/2017. Trong trường hợp ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cháu Lý Thị Trúc L đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Lý Quốc H cho anh Lý Văn T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và chị B cũng không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Triệu Thị B tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bị đơn anh Lý Văn T tại Thôn A, xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà của anh Lý Văn T và trụ sở UBND xã E huyện S, tỉnh Đắk Lắk, và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp nhưng anh T không đến làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng nên anh T không trình bày về nội dung vụ án và tham gia các phiên hoà giải. Vì vậy, Tòa án huyện Ea Súp căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Triệu Thị B và anh Lý Văn T. Qua xác minh tại địa phương hiện nay chị B và anh T đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án chị B bày tỏ quyết tâm xin được ly hôn với anh T, còn anh T không đến Tòa án làm việc, nên không thể tiến hành hoà giải được. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị B.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn T có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

Đối với bị đơn anh Lý Văn T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông qua Ủy ban nhân dân xã E, niêm yết thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại UBND xã E và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tuy nhiên anh T đều không hợp tác, không có mặt tại Tòa án. Chị Triệu Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B và anh Lý Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện S, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/6/2017 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị B và anh Lý Văn T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị B và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp, do sự bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trên cơ sở xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B anh T tại địa phương thì thấy rằng hiện nay anh chị không còn sống chung mà đã ly thân được một thời gian. Nhận thấy tình cảm của chị B và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lý Văn T.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị B và anh Lý Văn T có 02 con chung là các cháu Lý Quốc H – SN 31/10/2018 và Lý Thị Trúc L – SN 06/02/2017. Trong trường hợp ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cháu Lý Thị Trúc L đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Lý Quốc H cho anh Lý Văn T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và chị B cũng không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Xét nguyện vọng của con chung cháu Lý Thị Trúc L có mong muốn được ở với chị Triệu Thị B. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, hiện nay anh T đang nuôi dưỡng cháu Lý Quốc H còn chị B đang nuôi dưỡng cháu Lý Thị Trúc L. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị B.

Chị B không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu

cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Triệu Thị B xác định chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị B và anh T có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị B

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lý Thị Trúc L – SN 06/02/2017 cho chị Triệu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao con chung Lý Quốc H – SN 31/10/2018 cho anh Lý Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Chị B và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Triệu Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị B chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, theo biên lai số AA/2023/0003796 ngày 14/3/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea Súp;
- Thị hành án dân sự huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vp.
- UBND xã E

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thành Huế